

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **74/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 21 – 12 - 2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Thọ

2. Bà Phan Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ngọc P**, sinh năm: 1980 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5B, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5B, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ãn khởi kiện ãe ngày 22 tháng 4 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Trần Thị Ngọc P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà tự nguyện chung sống với ông Lê Văn T và có ãng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Tấn vào năm 2000. Vợ chồng sống hạnh phúc ãn năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất ãng quan ãiểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung không hạnh

phúc. Nay nhận thấy không thể tiếp tục sống chung được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông Tuấn.

- Về con chung: Bà và ông Tuấn có 02 con chung tên Lê Trần Khánh Vy, sinh ngày 04/5/2001 và Lê Trần Đăng Khoa, sinh ngày 20/01/2013. Hiện con đang sống với vợ chồng. Khi nộp đơn ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Trần Đăng Khoa và yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng. Đối với con tên Lê Trần Khánh Vy đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, bà có ý kiến rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông Tuấn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ : Bà và ông Tuấn không nợ ai và không ai nợ lại nên không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Lê Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày trên của bà Phượng về quan hệ hôn nhân, con chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông Tuấn cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn (đôi khi cãi nhau) nhưng không đến mức phải ly hôn. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà Phượng vì sẽ thiệt thòi cho các con.

- Về con chung: Thống nhất như trình bày trên của bà Phượng về con chung. Tùy vào nguyện vọng của con, con muốn sống với ai thì người đó nuôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa: Không
NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Nguyên đơn - bà Trần Thị Ngọc P nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu ly hôn với bị đơn - ông Lê Văn T. Yêu cầu của nguyên đơn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện cư trú tại xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1980 và ông Lê Văn T, sinh năm 1975 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã Lộc Tấn vào năm 2000. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa bà Phượng và ông Tuấn là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Phượng và ông Tuấn xác định có mâu thuẫn, bà Phượng xác định không còn tình cảm với ông Tuấn nên yêu cầu được ly hôn với ông Tuấn, tuy nhiên ông Tuấn cho rằng mâu thuẫn trên là không đáng để ly hôn, Tòa án có mở phiên hoà giải nhưng phía ông Tuấn vẫn không đến làm việc, không trình bày nguyện vọng của mình tại phiên hoà giải là từ bỏ quyền của mình. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Phượng và ông Tuấn đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phượng.

[2] Về con chung: Tại đơn khởi kiện bà Phượng yêu cầu nuôi con chung tên Lê Trần Đăng Khoa, về phía cháu Khoa cũng có nguyện vọng được chung sống với bà Phượng. Để đảm bảo nguyện vọng của con nên cần giao cháu Khoa cho bà Phượng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Khi nộp đơn khởi kiện bà Phượng yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, bà có ý kiến rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phượng và ông Tuấn không yêu cầu nên Tòa giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Phượng phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Không

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 244, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Thị Ngọc P
- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Ngọc P được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Trần Đăng Khoa, sinh ngày 20/01/2013 cho bà Trần Thị Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn – bà Trần Thị Ngọc Phượng

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc P phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Phượng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 019778 ngày 29/6/2021.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Tấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

